

全國性繳費(稅)業務授權轉帳繳款申請書(自訂限額, 扣款行專用) 799 113/8 版-越文

**ĐƠN ĐĂNG KÝ ỦY QUYỀN CHUYỂN KHOẢN NỘ PHÍ (THUẾ) TOÀN QUỐC
(HẠN MỨC TỰ ĐẶT, NGÂN HÀNG KHẤU TRỪ CHUYÊN DỤNG) 799**

Phiên bản 8/2024

申請人為便於利用金融機構帳戶支付應付予委託單位款項, 茲向貴行申請 委託 終止 以申請人下列約定之活期性存款帳戶(以下稱約定扣款帳戶)逕行轉帳扣繳下表申請人或第三人之應付款項, 並同意遵守下列約定事項:

Đề tiện cho việc sử dụng tài khoản của Cơ sở Tài chính thanh toán các khoản phải thanh toán cho Đơn vị ủy quyền, nay người đăng ký đề xuất đăng ký với Quý Ngân hàng Ủy quyền Chấm dứt việc trực tiếp khấu trừ và chuyển khoản các khoản phải thanh toán của người đăng ký hoặc người thứ ba tại Bảng dưới đây bằng tài khoản tiết kiệm không kỳ hạn có giao ước của người đăng ký (dưới đây gọi tắt là tài khoản khấu trừ có giao ước), và đồng ý tuân thủ các nội dung thỏa thuận sau đây:

- 一、申請人同意貴行依財金資訊股份有限公司(以下稱財金)「全國性繳費(稅)系統」所傳送之訊息, 自下列活期性存款帳戶轉帳扣繳應付款項, 當申請人存款金額不足、帳戶遭法院、行政執行署或其他機關扣押或存款帳戶結清時, 貴行得不予扣款。其因上開事由所致之損失或責任, 概由申請人自行負擔。
- I. Người đăng ký đồng ý Quý Ngân hàng khấu trừ và chuyển khoản các khoản phải thanh toán từ tài khoản tiết kiệm không kỳ hạn theo thông tin được gửi từ “Hệ thống nộp phí (thuế) toàn quốc” của Công ty CPHH Thông tin Tài chính (dưới đây gọi tắt là FISC). Khi số tiền tiết kiệm của người đăng ký không đủ, tài khoản bị Tòa án, Sở Chấp hành Hành chính hoặc các Cơ quan khác tịch thu hoặc tài khoản tiết kiệm đã thanh toán hết, thì Quý Ngân hàng sẽ không khấu trừ. Nếu vì lý do nêu trên gây tổn thất hoặc phát sinh trách nhiệm, thì người đăng ký đều phải tự chịu.
- 二、為辦理本件轉帳扣款業務, 委託單位得將申請人轉帳扣繳資料交付予帳務代理行, 經由財金轉交貴行辦理; 貴行亦得將扣繳結果(包括扣繳不成功之原因)經由財金回覆帳務代理行, 由帳務代理行回覆委託單位。
- II. Để thực hiện công tác khấu trừ và chuyển khoản này, Đơn vị ủy quyền được quyền giao các thông tin khấu trừ và chuyển khoản của người đăng ký cho Ngân hàng đại lý tài chính, và Bộ phận tài chính sẽ chuyển giao cho Quý Ngân hàng thực hiện; Quý Ngân hàng cũng có quyền thông báo kết quả khấu trừ (bao gồm nguyên nhân khấu trừ không thành công) cho Bộ phận tài chính để trả lời Ngân hàng đại lý tài chính, sau đó Ngân hàng đại lý tài chính sẽ trả lời cho Đơn vị ủy quyền.
- 三、申請人同意由貴行逕依委託單位提供經由「全國性繳費(稅)系統」傳送之資料(含扣款日期、金額等), 辦理轉帳扣繳作業, 如因此所生之錯誤或疏漏, 由申請人逕洽委託單位處理。
- III. Người đăng ký đồng ý Quý Ngân hàng trực tiếp thực hiện công tác khấu trừ và chuyển khoản theo thông tin được gửi từ “Hệ thống nộp phí (thuế) toàn quốc” (bao gồm ngày khấu trừ, số tiền khấu trừ v.v...) do Đơn vị ủy quyền cung cấp, nếu vì thế mà phát sinh sai sót hoặc sơ suất, thì người đăng ký phải liên hệ trực tiếp với Đơn vị ủy quyền để xử lý.
- 四、申請人瞭解使用本服務每筆轉帳扣繳可能需繳納手續費, 申請人將自行向委託單位確認, 如需由申請人負擔手續費者, 申請人並授權貴行自約定扣款帳戶逕行扣繳。
- IV. Người đăng ký hiểu rõ mỗi một giao dịch chuyển khoản được khấu trừ từ dịch vụ này có thể phải nộp phí dịch vụ, người đăng ký sẽ tự xác nhận với Đơn vị ủy quyền. Trường hợp người đăng ký phải chịu phí dịch vụ, thì người đăng ký sẽ ủy quyền Quý Ngân hàng trực tiếp khấu trừ từ tài khoản khấu trừ có giao ước.
- 五、「全國性繳費(稅)系統」如發生故障或電信中斷或其他不可抗力之事由致無法交易者, 貴行得順延至系統恢復正常, 始予扣款。
- V. Trường hợp “Hệ thống nộp phí (thuế) toàn quốc” phát sinh trục trặc hoặc hệ thống viễn thông bị gián đoạn hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng khiến cho giao dịch không thể thực hiện được, thì Quý Ngân hàng được quyền hoãn lại cho đến khi hệ thống khôi phục bình thường mới thực hiện khấu trừ.
- 六、申請人同意訂定每日授權累計扣帳金額新臺幣 _____ 元(含), 並 指定 / 不指定 每月扣款日期 _____、_____, 均由帳務代理行辦理系統設定及控管, 倘因前述事項所致之損失及責任, 由申請人自行負擔; 本作業轉帳扣繳限額單筆及每日最高轉帳扣繳限額皆為新臺幣伍佰萬元, 但關稅費及基金證券費每日最高轉帳扣繳限額各為新臺幣參仟萬元。
- VI. Người đăng ký đồng ý thiết lập ủy quyền hàng ngày tích lũy số tiền khấu trừ (gồm cả) _____ Đài tệ, và ngày khấu trừ hàng tháng ngày _____, _____, chỉ định / không chỉ định, đều do hệ thống thực hiện của Ngân hàng đại diện tài chính thiết lập và kiểm sát, nếu vì lý do nêu trên gây tổn thất hoặc phát sinh trách nhiệm, thì người đăng ký đều phải tự chịu; hạn mức khấu trừ và chuyển khoản của công tác này là: Hạn mức khấu trừ và chuyển khoản một lần và hàng ngày tối đa là 5.000.000 Đài

tệ, nhưng hạn mức khấu trừ và chuyển khoản hàng ngày tối đa đối với thuế hải quan và phí chứng khoán quỹ là 30.000.000 Đài tệ mỗi loại.

- 七、貴行於同一日需自約定扣款帳戶執行多筆轉帳扣繳作業而申請人存款不足時，申請人同意貴行得依貴行實際作業之順序扣款。
- VII. Khi Quý Ngân hàng cần phải thực hiện nhiều lần khấu trừ và chuyển khoản từ tài khoản khấu trừ có giao ước trong cùng một ngày, nhưng số tiền trong tài khoản của người đăng ký không đủ, thì người đăng ký đồng ý Quý Ngân hàng có quyền khấu trừ theo thứ tự giao dịch thực tế của Quý Ngân hàng.
- 八、申請書如以中文與其他外國文字並列，文義不一致時，以中文之約定為準。
- VIII. Nếu Đơn đăng ký được làm thành bản tiếng Trung và các ngôn ngữ khác, mà nội dung ý nghĩa khác nhau, thì lấy bản tiếng Trung làm chuẩn.
- 九、本申請書之解釋、適用及其他未盡事宜均依中華民國法律。若有爭議涉訟時同意以臺灣臺北地方法院為第一審管轄法院，但不排除消費者保護法第四十七條或民事訴訟法第四百三十六條之九規定小額訴訟管轄法院之適用。
- IX. Việc giải thích, áp dụng và những nội dung chưa được đề cập trong Đơn đăng ký này đều thực hiện theo pháp luật Trung Hoa Dân Quốc. Nếu phát sinh tranh chấp và tố tụng, đồng ý Tòa án địa phương Đài Bắc – Đài Loan là Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm, nhưng không loại trừ Tòa án xét xử tố tụng vụ việc mức tiền nhỏ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ Người tiêu dùng hoặc Điều 436-9 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

用戶姓名 Họ tên khách hàng	身分證字號/統一編號 Số CMT / Mã số thống nhất										帳戶留存印鑑 Con dấu tài khoản
申請人姓名 Họ tên người đăng ký	身分證字號/統一編號 Số CMT / Mã số thống nhất										
扣款銀行 Ngân hàng khấu trừ	Ngân hàng					銀行 Chi nhánh					分行
扣款帳號 Tài khoản khấu trừ											
申請日期 Ngày đăng ký	年 月 日 Ngày tháng năm			備註 Ghi chú (保險費適用) (Áp dụng cho phí bảo hiểm)							

說明：用戶欄姓名請填載原繳費義務人姓名或名稱，如投信基金之基金買受人、信用卡之持卡人。如申請人係委託/終止扣繳本人費用，該用戶欄（含姓名及身分證號碼），請劃斜線刪除，若屬保險費授權轉帳繳款案件，備註欄請加註保險識別編號 10 碼。

Giải thích: Họ tên cột khách hàng vui lòng điền họ tên hoặc tên gọi của người có nghĩa vụ nộp phí ban đầu, như người mua quỹ đầu tư tín thác, người mang thẻ tín dụng. Nếu người đăng ký ủy quyền / chấm dứt khấu trừ chi phí của chính mình, thì cột khách hàng này (bao gồm họ tên và số CMT) vui lòng xóa bỏ bằng dấu gạch chéo. Nếu là ủy quyền chuyển khoản nộp phí bảo hiểm, thì cột ghi chú vui lòng ghi thêm 10 số nhận dạng bảo hiểm.

委託單位 名稱 Tên gọi	Đơn vị ủy quyền 代碼 Mã số	費用類別 名稱 Tên gọi	Loại chi phí 代碼 Mã số

此致
Kính gửi: Ngân hàng

扣款銀行 (核印行)填載 Ngân hàng khấu trừ (Ngân hàng hạch án) điền	銀行 Ngân hàng	分行 Chi nhánh	經辦 Người thực hiện	主管 Chủ quản	日期 Ngày

本申請書一式四聯：第一聯 存款行留存、第二聯 帳務代理行留存、第三聯 委託單位留存、第四聯 申請人留存。

Đơn đăng ký này làm thành 4 liên: Liên 1 Ngân hàng khấu trừ giữ, liên 2 Ngân hàng đại lý tài chính giữ, liên 3 Đơn vị ủy quyền giữ, liên 4 người đăng ký giữ.